

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST

Ngày 21-6-2021

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Hà Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Hồng.

Ông Đặng Công Thắng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Đình Nam, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị T; sinh ngày 20-12-1982; cư trú tại: Đường T, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Ung Heng B; sinh ngày 24-8-1969; cư trú tại: Canada. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị T, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Thông qua người thân ở Canada giới thiệu, bà và ông Ung Heng B đã tìm hiểu và tự nguyện kết hôn; được Ủy ban nhân dân quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng, cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05-4-2019.

Sau khi kết hôn được 05 ngày thì ông Ung Heng B trở về Canada nên vợ chồng mỗi người sống mỗi nơi và đến nay chưa về lại Việt Nam lần nào. Do sống xa nhau nên lâu dần không còn tình cảm vợ chồng nữa; nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Ung Heng B.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà và ông Ung Heng B không có con chung, tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Ung Heng B, trình bày: Trong quá trình giải quyết vụ án, thì ông Ung Heng B gửi cho Tòa án văn bản ghi ngày 04-5-2021, có nội dung thống nhất như bà Huỳnh Thị T đã trình bày ở trên và đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T; đồng thời đề nghị Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt đối với ông.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Nguyên đơn bà Huỳnh Thị T là công dân Việt Nam; có địa chỉ cư trú tại Đường T, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam và bị đơn ông Ung Heng B có quốc tịch Canada; hiện cư trú tại địa chỉ Canada, nên vụ án về ly hôn thuộc thẩm quyền chung của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại các Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 464 và Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn ông Ung Heng B, theo đường dịch vụ bưu chính đến địa chỉ của đương sự đang cư trú ở nước ngoài, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 474 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Sau khi nhận được văn bản tố tụng của Tòa án, ông Ung Heng B đã cung cấp đầy đủ lời khai, tài liệu, chứng cứ. Theo đó, ông Ung Heng B xác định là không thể về Việt Nam để tham dự giải quyết việc ly hôn với bà Huỳnh Thị T; đồng thời đề nghị Tòa án mở phiên tòa để giải quyết yêu cầu ly hôn cho ông và bà Hương, do đó Tòa án không mở phiên họp hòa giải, theo quy định tại khoản 1 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự và mở phiên tòa xét xử

vắng mặt ông Ung Heng B, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn ông Ung Heng B của bà Huỳnh Thị T thì thấy, sau khi kết hôn thì vợ chồng mỗi người sống một nơi, vợ chồng không sống gần nhau để yêu thương, chăm sóc cho nhau và cho gia đình, nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Đến nay, bà Hương và ông Ung Heng B đều tự xác định không còn tình cảm vợ chồng đối với nhau nữa, mục đích của hôn nhân không đạt được do đó yêu cầu xin ly hôn ông Ung Heng B của bà Hương là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà Huỳnh Thị T và ông Ung Heng B không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình bà Huỳnh Thị T phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 56, Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 37, điểm c khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 464, Điều 469, điểm c khoản 1 Điều 474, khoản 1 và điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị T đối với ông Ung Heng B.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Huỳnh Thị T được ly hôn với ông Ung Heng B.

2. Về án phí: Bà Huỳnh Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số

tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002832 ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; bà Hương đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Huỳnh Thị T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; ông Ung Heng B không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Ủy ban nhân dân quận Sơn Trà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Hà Nam**